

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 27/02/2023

V/v: Tranh chấp hôn  
nhân và gia đình.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Tiến Thịnh

2. Bà Lê Thị Sinh Chi

**- Thư ký phiên Tòa:** Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên Tòa:** Bà Lương Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 N 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 12 N 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 06/2023/QĐXX - ST ngày 02 tháng 02 N 2023, quyết định hoãn phiên Tòa số 12/2023/QĐST- HNGĐ ngày 22/02/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh N 1963.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh N 1950.

Đều nơi cư trú: Số nhà 12, ngõ 156, đường Trần QKi, tổ 1, phường KB, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

(Ông N vắng mặt tại phiên Tòa, Bà D có đơn xét xử vắng mặt).

**NỘI D VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20/10/2022, cũng như tại bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà và ông N kết hôn với nhau ngày 02/11/1982, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Kỳ Bá,

thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là trước khi sinh con ông N đã có hành vi dùng tay tát bà vô cớ. Sau đó bà phải sang nhà chị dâu chồng tránh né sau đó bà bỏ về nhà đẻ ở hai ngày, thời điểm đó vào N 1983, ông N đã cạo trọc đầu và lên gia đình nhà bà xin gia đình bà để vợ chồng về đoàn tụ. Đến tháng 5/2020, ông N mang can Acid loại 5 lít lên nhà mẹ đẻ bà để đe dọa trấn áp và còn nói với em rể bà là tặng mẹ vợ can Acid. Ngoài ra, khoảng tháng 5/2018 trước thời điểm Covid ông N lên quán bán hàng của bà ở vỉa hè gần khu công nghiệp ghen tuông vô cớ và xúc phạm danh dự bà. Vợ chồng bà đã ly thân từ N 2017 đến nay là 5 N. Trong thời gian ly thân ông N không quan tâm đến bà, bỏ mặc bà lo toan mọi việc về kinh tế trong gia đình. Bà xác định không còn tình cảm với ông N, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên bà xin được ly hôn ông N. Về con chung: Vợ chồng bà có hai con chung Nguyễn Đức Hoàn, sinh ngày 01/01/1984 và Nguyễn Chí Hiếu, sinh ngày 04/3/1985. Đối với con Hoàn, Hiếu đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông N trình bày: Thời điểm kết hôn và hoàn cảnh kết hôn như bà D trình bày là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2021 đến nay. Nay bà D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, quan điểm của ông là không muốn ly hôn và muốn gia đình đoàn tụ nhưng nếu bà D kiên quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng ông N và bà D có hai con chung Nguyễn Đức Hoàn, sinh ngày 01/01/1984, Nguyễn Chí Hiếu, sinh ngày 04/3/1985. Đối với hai con Hoàn, Hiếu đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn ông Nguyễn Văn N. Về quan hệ con chung: Vợ chồng ông N và bà D có hai con chung Nguyễn Đức H1, sinh ngày 01/01/1984, Nguyễn Chí H, sinh ngày 04/3/1985. Hai con chung đều đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa.

**- Về thủ tục tố tụng:**

Bà Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo trình tự vắng mặt của nguyên đơn. Ông Nguyễn Văn N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự N 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

**- Về nội D:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn N kết hôn với nhau có đăng ký ngày 02/11/1982, tại Ủy ban nhân dân phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, đây là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống giữa bà D và ông N không tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau, chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình. Bà D và ông N đều bất đồng về suy nghĩ cũng như lối sống, hành động đều trái ngược nhau, do đó hai bên không quan tâm, không có trách nhiệm và nghĩa vụ với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ N 2021 đến nay, bà D kiên quyết xin ly hôn ông N và hơn nữa ông N không có biện pháp gì cải thiện quan hệ hôn nhân, như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình N 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị D, xử cho bà D được ly hôn ông N.

[2]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng ông N và bà D có hai con chung Nguyễn Đức H1, sinh ngày 01/01/1984, Nguyễn Chí H, sinh ngày 04/3/1985. Đối với hai con Hoàn, Hiếu đều đã trưởng thành nên không phải giải quyết.

[3]. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Bà D và ông N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà D phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình N 2014. Khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự N 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn ông Nguyễn Văn N.

2. Về quan hệ con chung: Vợ chồng ông N và bà D có hai con chung Nguyễn Đức H1, sinh ngày 01/01/1984, Nguyễn Chí H, sinh ngày 04/3/1985. Đối với hai con Hoàn, Hiếu đều đã trưởng thành nên không phải giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn N đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà D đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0001327 ngày 07 tháng 12 N 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Chuyển số tiền bà D đã nộp tạm ứng 300.000 đồng sang tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND thành phố Thái Bình;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường Kỳ Bá,  
thành phố Thái Bình,  
tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh**



